HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
KHOA SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NCS: ***Nguyễn Phương Huyền*** Mã NCS: ***NCSD22305***

Ngành: ***Tài chính - Ngân hàng*** Mã ngành: ***9.34.02.01***

Tên đề tài: ***Xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín***

Người HDKH: 1. PGS.TS Hà Minh Sơn

2. TS. Nguyễn Thùy Linh

Bộ môn sinh hoạt chuyên môn: Bộ môn Nghiệp vụ Ngân hàng

Những đóng góp mới của Luận án:

(1) Về lý luận

Thứ nhất, luận án góp phần làm rõ cách tiếp cận xử lý RRTD tại NHTM theo hướng pháp lý - thể chế. Theo đó, xử lý RRTD không được đồng nhất với quản trị RRTD theo nghĩa rộng. Nếu quản trị RRTD bao gồm toàn bộ quá trình nhận diện, đo lường, phòng ngừa, kiểm soát và giám sát rủi ro trong suốt vòng đời khoản vay, thì xử lý RRTD được luận án xác định là quá trình được kích hoạt khi khoản tín dụng đã phát sinh dấu hiệu suy giảm chất lượng, nợ quá hạn, nợ xấu hoặc có nguy cơ hiện thực hóa thành tổn thất;

Thứ hai, bản chất của xử lý RRTD không chỉ là hoạt động nghiệp vụ thu hồi nợ của ngân hàng, mà là một quá trình pháp lý, kinh tế, thể chế có sự tham gia của nhiều chủ thể;

Thứ ba, xử lý RRTD cần được nhìn nhận như một chuỗi can thiệp hậu rủi ro có cấu trúc. Do đó, đánh giá hiệu quả xử lý RRTD không nên chỉ dừng ở tỷ lệ nợ xấu, mà cần chuyển sang các chỉ tiêu phản ánh kết quả thực chất như tỷ lệ thu hồi nợ, tỷ lệ thu hồi ròng, thời gian xử lý bình quân, chi phí xử lý, tỷ lệ thu hồi từ tài sản bảo đảm, tỷ lệ bán nợ thành công, tỷ lệ thu hồi qua thi hành án, tỷ lệ sử dụng dự phòng và tỷ lệ thu hồi sau xử lý dự phòng.

(2) Về thực tiễn

Thứ nhất, luận án cho thấy Sacombank là một trường hợp nghiên cứu có tính điển hình trong hệ thống NHTM Việt Nam do có bối cảnh đặc thù sau sáp nhập, phải xử lý khối lượng lớn nợ xấu, tài sản tồn đọng và các khoản phải thu

có tính lịch sử. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác xử lý RRTD tại Sacombank đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, luận án cũng chỉ ra rằng hiệu quả xử lý RRTD tại Sacombank vẫn chịu ảnh hưởng bởi nhiều điểm nghẽn, nhất là chất lượng hồ sơ pháp lý khoản nợ và tài sản bảo đảm, thời gian xử lý kéo dài, chi phí xử lý cao, tính thanh khoản của tài sản bảo đảm còn hạn chế, thị trường mua bán nợ chưa phát triển đồng bộ và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong quá trình xử lý còn chưa thật sự hiệu quả;

Thứ hai, kết quả khảo sát và nghiên cứu thực nghiệm của luận án bổ sung bằng chứng cho thấy hiệu quả xử lý RRTD tại Sacombank chịu tác động bởi nhiều nhóm nhân tố, trong đó nổi bật là nhân tố nội tại ngân hàng, nhân tố khách hàng, nhân tố pháp lý - thể chế, nhân tố công nghệ - dữ liệu và nhân tố nhân sự - quản trị. Điều này khẳng định xử lý RRTD không thể chỉ dựa vào nỗ lực thu hồi nợ đơn lẻ, mà cần được tổ chức thành một cơ chế tổng thể, có dữ liệu, có phân luồng, có năng lực pháp lý, có phối hợp nội bộ và có sự hỗ trợ từ môi trường thể chế bên ngoài;

Thứ ba, từ trường hợp Sacombank, luận án rút ra kết luận thực tiễn có giá trị tham khảo rộng hơn cho các NHTM Việt Nam: muốn nâng cao hiệu quả xử lý RRTD, ngân hàng cần chuyển từ tư duy "giảm nợ xấu trên sổ sách" sang "thu hồi thực chất, giảm tổn thất và phục hồi giá trị". Trọng tâm giải pháp không chỉ là kiểm soát tỷ lệ nợ xấu, mà là hoàn thiện cơ chế xác lập tình trạng pháp lý khoản nợ, chuẩn hóa hồ sơ bảo đảm, nâng cao năng lực thực thi quyền chủ nợ, rút ngắn thời gian xử lý tài sản bảo đảm, phát triển kênh bán nợ, chuyên nghiệp hóa khởi kiện - thi hành án, gắn sử dụng dự phòng với thu hồi sau xử lý và xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá theo kết quả thu hồi thực chất.

Kết luận, luận án không chỉ bổ sung cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu về xử lý RRTD tại NHTM, mà còn cung cấp bằng chứng thực nghiệm và hàm ý chính sách có giá trị tham khảo cho Sacombank, các NHTM ở Việt Nam và cơ quan quản lý trong thời gian tới.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI HDKH **NGHIÊN CỨU SINH**

Thứ nhất **Thứ hai**